

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2018/DS-ST

Ngày: 03 /07/2018.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Văn Xuyên
- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Quang Liêu, Nguyễn Mạnh Dũng.
- **Thư ký phiên tòa:** Trần Thế vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù

Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 03 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 108/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2018, về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” . Theo Quyết định đưa ra xét xử số 60 /2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**chị Phạm Thị N L ; Sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ : Thôn 2 , xã M H – huyện B Đ – tỉnh Bình Phước
- **Bị đơn:** Nguyễn T T ; Sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 3, xã P S , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/05/2018 và các lời khai tiếp theo Nguyên đơn chị Phạm Thị N L trình bày: Vào ngày 18/03/2018 tôi có bán hạt điều cho cô Nguyễn T T trọng lượng hạt điều khô là 20060kg, đơn giá 49000đ/1kg, thành tiền 989.800.000đ nhưng cô Nguyễn T T thiếu nợ lại số tiền này, các bên thỏa thuận miện trong thời hạn 10 ngày là phải trả.

Ngoài ra trước đây Tôi có bán hạt điều cho cô Nguyễn T T và cô Nguyễn T T còn thiếu nợ tôi số tiền 266.000.000đ .

Sau đó hai khoản thiếu nợ này cô Nguyễn T T viết và ghi chung trong một tờ giấy có tựa đề “Giấy mua điều”, không đề ngày tháng.

Cả hai khoản nợ nêu trên đều hẹn là trong hạn 10 ngày kể từ ngày 18/03/2018 sẽ trả nhưng đến nay chưa trả, vì vậy tôi yêu cầu cô Nguyễn T T trả lại toàn bộ số tiền 1.255.800.000đ cho tôi. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn T T vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày: Tôi có thiếu nợ số tiền như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng khi nào tôi bán được tài sản thì tôi mới trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, do mua hàng nhưng chưa trả tiền, vì vậy quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Bị đơn cư trú tại huyện B Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa là hạt điều mà các bên đã thực hiện vào ngày 18/03/2018.

Xét thấy việc cá nhân các bên mua bán hạt điều là hợp pháp và các bên đều thừa nhận có việc mua bán hạt điều và có thiếu nợ lại số tiền 989.800.000đ là đúng, đến hạn trả nợ bị đơn chưa trả, bị đơn cho rằng khi nào tôi bán được tài sản thì tôi mới có tiền để trả. Như vậy đến nay bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản hạt Điều, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 989.800.000đ.

Ngoài ra các đương sự thừa nhận trước đây chị Nguyễn T T còn thiếu nợ chị Phạm Thị N L số tiền 266.000.000đ, cũng từ việc chị Phạm Thị N L bán hạt điều cho chị Nguyễn T T nhưng chị Nguyễn T T chưa trả tiền, đến ngày 18/03/2018 các bên có chốt lại khoản nợ và ghi chung vào "Giấy mua điều" và hẹn 10 ngày sau sẽ trả nhưng đến nay chưa trả, các bên thừa nhận nội dung là đúng.

Như vậy đến nay bị đơn chưa trả nguyên đơn số tiền 266.000.000đ, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 266.000.000đ.

Tổng số tiền mà bị đơn chị Nguyễn T T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị N L là 1.255.800.000đ. (Một tỉ, hai trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tiền lãi : Không yêu cầu nên không xem xét.

4/ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

Chi cục Thi hành án huyện B Đ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.837.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 430, 431, 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn T T trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị N L số tiền mua bán hạt Điều tổng cộng số tiền 1.255.800.000đ (Một tỉ, hai trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

2/ Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn T T nộp tiền án phí DSST là 24.837.000đ.

Chi cục thi hành án huyện B Đ hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Phạm Thị N L số tiền 24.837.000đ theo biên lai thu tiền số 0022045 ngày 23/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

